

Bản án số: 01/2019/KDTM-PT
Ngày: 14- 3 - 2019
(V/v Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán theo hợp đồng xây dựng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Nguyệt Thu; bà Nguyễn Thị Bích Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2018/TLPT-KDTM, ngày 03 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán hợp đồng xây dựng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST, ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐPT-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2011 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cơ khí và xây dựng P

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Joeng K – Chủ tịch kiêm giám đốc điều hành.

- Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Hải Y; địa chỉ: 11b xóm M, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội (có mặt)

Bà Nguyễn Lê Hạnh L; địa chỉ: Khu công nghiệp N, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)

Người nhận ủy quyền lại của bà Nguyễn Lê Hạnh L: Ông Tạ Quốc Khánh, ông Nguyễn Ngọc Khiêm - Công ty Luật TNHH IBPRO Việt Nam; địa chỉ: Số 64 Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH hai thành viên H

Địa chỉ: Khu đô thị trung tâm, tổ dân phố Q, phường K, thị xã A, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chun Sea Y – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Jeon Yong I - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH hai thành viên H; địa chỉ: Khu đô thị Trung Tâm, phường K, thị xã A, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Mai Xuân Đ; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, thị xã A, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Người phiên dịch: Ông Ngô Văn V, cộng tác viên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân A, tỉnh Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

- *Nguyên đơn Công ty cơ khí và xây dựng P trình bày:* Ngày 04/3/2011, Công ty cơ khí và xây dựng P (gọi tắt là Công ty P) đã ký Hợp đồng số P01/HTH với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn H (chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên H, gọi tắt là Công ty H) về thi công xây dựng phần móng cọc dự án Khách sạn 5 sao và cao ốc văn phòng Hà Tĩnh (Tòa nhà H) với tổng giá trị hợp đồng 16.800.000.000 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT) và bị đơn phải ứng trước 10% giá trị của Hợp đồng cho nguyên đơn tương ứng với số tiền 1.680.000.000 đồng. Tổng giá trị của Hợp đồng có thể được điều chỉnh giá tùy theo khối lượng thực hiện công việc thực tế trên thực địa. Ngày 22/3/2011, bị đơn Công ty H đã thanh toán tạm ứng cho nguyên đơn số tiền 1.680.000.000 đồng tương ứng với 10% giá trị Hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng và nhận khoản tiền tạm ứng, nguyên đơn đã huy động toàn bộ nguồn lực thực hiện công việc theo đúng thỏa thuận và đã hoàn thành toàn bộ công việc trong hợp đồng. Tổng giá trị quyết toán toàn bộ công việc thực hiện thực tế là 14.771.159.688 đồng (đã bao gồm cả thuế VAT). Ngày 19/12/2011, nguyên đơn đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000141 và gửi Hóa đơn này cho bị đơn. Số tiền và Hóa đơn này đã được bị đơn hoạch toán trong báo cáo tài chính năm của Chủ đầu tư H. Đơn vị kiểm toán cho Chủ đầu tư H là Công ty trách nhiệm Kiểm toán Immanuel cũng đã yêu cầu xác nhận đúng số nợ này trong quá trình kiểm toán cho Chủ đầu tư H.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ thi công, đã xuất Hóa đơn giá trị tăng cho bị đơn và hoàn thành các thủ tục để được quyết toán theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ngoài khoản tạm ứng cho đến nay, nguyên đơn chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào khác từ bị đơn cho khoản dư nợ phải trả. Với tinh thần thiện chí, nguyên đơn đã rất nhiều lần yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ trên mà chưa khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền với mong muốn tạo điều kiện cho bị đơn có điều kiện tích lũy tài chính để thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Trong suốt quá trình đòi nợ, nguyên đơn đã phát hành rất nhiều công văn và tổ chức nhiều cuộc họp để yêu cầu bị đơn phải thanh toán dứt điểm công nợ nhưng bị đơn chỉ hứa trả nhưng không thực hiện hoạt động cụ thể nào. Vào ngày 11/8/2017, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ký kết Thỏa thuận thanh toán xác định lại dư nợ phải trả và tiền lãi trả chậm, theo đó: Tổng số tiền mà Công ty H phải thanh toán cho Công ty P gồm: Thứ nhất là tổng số dư nợ phải trả mà được cả hai bên xác nhận trong phiếu xác nhận số dư ngày 28/8/2015 là 13.091.159.688 đồng; Thứ hai là tiền lãi trả chậm, (tiền lãi trả chậm được thực hiện theo quy định tại điều 18 Hợp đồng P01/HTH ngày 04-3-2011); Kế hoạch thanh toán như sau: Lần thứ nhất, ngày 15-01-2018, bị đơn Công ty H thanh toán cho nguyên đơn Công ty P số tiền 6.545.579.844 đồng (Tương ứng 50% số tiền

13.091.159.688 đồng); Lần thứ 2, vào cuối tháng 4 năm 2018, bị đơn Công ty H thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn Công ty P số tiền 6.545.579.844 đồng (Tương ứng 50% số tiền 13.091.159.688 đồng) và lãi trả chậm của toàn bộ khoản nợ gốc. Lãi trả chậm sẽ được hai bên (Công ty P và Công ty H) thỏa thuận, trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, khoản tiền lãi trả chậm sẽ được thực hiện theo Điều 18 của Hợp đồng số P01/HTH ngày 04 tháng 03 năm 2011.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên, nên Công ty cơ khí và xây dựng P khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân A buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền dư nợ đã được xác nhận lại theo thỏa thuận ngày 11/8/2017 là 13.091.159.688 đồng và số tiền lãi theo thỏa thuận như sau: Lãi trả chậm từ ngày 18/01/2012 đến ngày 11/8/2017 là 2.032 ngày x (nhân) lãi suất 13,1%/năm (lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam) là: 9,547,293,093 đồng. Lãi trả chậm từ ngày 12-8-2017 cho đến ngày bổ sung đơn khởi kiện 08-5-2018 là 269 ngày x (nhân) với lãi suất 13,1%/năm (lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam) là: 1,263,888,702 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 23,902,341,485 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu tính số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 13,091,159, 688 đồng tính từ ngày 09-5-2018 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm và tiếp tục tính lãi chậm trả đối với số tiền phải thanh toán 13,091,159, 688 đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán hết số tiền nợ trên theo mức lãi suất của Ngân hàng thương mại 13,1%/năm theo thỏa thuận tại Điều 18 Hợp đồng P01/HTH ngày 04-3-2011.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên H trình bày:

Bị đơn thừa nhận giữa nguyên đơn Công ty P và bị đơn Công ty H có ký kết hợp đồng thi công gói thầu đóng cọc, dự án Khách sạn 5 sao Hà Tĩnh. Nguyên đơn đã thi công xong phần đóng cọc, tuy nhiên phần thi công móng cọc này bị đơn không đưa vào sử dụng. Nội dung thư xác nhận giữa hai bên cũng như văn bản Thỏa thuận thanh toán lập ngày 11/8/2017 có chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật ông Chun Sea Y và con dấu đóng lên đó là của pháp nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận thanh toán đó là nhằm hợp thức hóa hồ sơ và tài liệu để người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty P về báo cáo với Công ty P mẹ ở Hàn Quốc. Giữa Công ty P và Công ty H do ông Chun Sea Y cũng là người đại diện theo pháp luật có ký kết “Bản ghi nhớ” và “Thỏa thuận tư vấn” hợp tác với nhau để tạo điều kiện cho Công ty P tham gia vào các gói thầu xây dựng của Công ty Formosa Hà Tĩnh tại khu công nghiệp Vũng Áng. Thừa nhận Hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty P đã cung cấp cho Công ty H là đúng nhưng đó chỉ là thủ tục để hoàn tất hồ sơ. Thừa nhận có nợ nguyên đơn một số tiền về thi công phần đóng cọc Tòa nhà khách sạn H theo Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký, tuy nhiên số nợ cụ thể bao nhiêu thì không biết. Do người đại diện theo pháp luật giữa hai Công ty đã có sự thỏa thuận miệng với nhau về đối trừ nghĩa vụ Hợp đồng số P01/HTH ngày 04/3/2011 thi công gói thầu đóng cọc thuộc dự án Khách sạn 5 sao Hà Tĩnh, nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố gì đối với nguyên đơn. Bị đơn có yêu cầu đề nghị hoãn phiên tòa và đình chỉ giải quyết vụ án để triệu tập người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty P tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

Với nội dung vụ án trên, ngày 24/8/2018, Tòa án nhân dân A, tỉnh Hà Tĩnh đã đưa ra xét xử:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 70, Khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điểm g Khoản 1 Điều 76 Luật xây dựng; Điều 280, Khoản 1 Điều 281, 285, 290, 305, Khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điểm b, c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cơ khí và xây dựng P.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cơ khí và xây dựng P số tiền 20,915,369,200 đồng (*Hai mươi tỷ, chín trăm mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm đồng*). Trong đó: Nợ tiền gốc là 13,091,159,688 đồng (*Mười ba tỷ, không trăm chín mươi mốt triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng*); Tiền lãi tính đến ngày 24/8/2018 là 7,824,209,500 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, hai trăm linh chín nghìn, năm trăm đồng*).

Từ ngày 25/8/2018 cho đến hết ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên H thanh toán hết số tiền 13,091,159,688 đồng cho Công ty cơ khí và xây dựng P thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền 7,824,209,500 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, hai trăm linh chín nghìn, năm trăm đồng*) thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH hai thành viên H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại số 02/2018/KDTM-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân A. Yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh triệu tập người đại diện theo pháp luật của công ty cơ khí và xây dựng P để đối chất và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người đại diện và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ kiện tranh chấp nghĩa vụ thanh toán hợp đồng xây dựng quy định tại điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thụ lý giải quyết là đúng quy định và thẩm quyền giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH hai thành viên H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH hai thành viên H:

[2.1] Ngày 04/3/2011, giữa công ty cơ khí và xây dựng P và công ty TNHH hai thành viên H đã ký kết hợp đồng số P01/HTH về việc thi công xây dựng phần móng cọc dự án Khách sạn 5 sao và cao ốc văn phòng Hà Tĩnh với tổng giá trị hợp đồng 16.800.000.000 đồng và nguyên đơn đã ứng trước 10% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 1.680.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo thỏa thuận và hoàn thành toàn bộ công việc trong hợp đồng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thi công, xuất hóa đơn cũng như các thủ tục để được quyết toán theo thỏa thuận và đã được thừa nhận bằng văn bản “thỏa thuận thanh toán” lập ngày 11/8/2017 có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật, con dấu của công ty TNHH hai thành viên H. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn không xuất trình được các chứng cứ nào để chứng minh việc nội dung của bản ghi nhớ thể hiện nghĩa vụ đối trừ cho Hợp đồng P01/HTH ngày 04/03/2011 giữa Công ty cơ khí và xây dựng P và Công ty TNHH hai thành viên H, mặt khác chủ thể trong bản ghi nhớ là hai pháp nhân khác nhau. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của công ty cơ khí và xây dựng P buộc Công ty TNHH hai thành viên H có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng là 13.089.159.688 đồng và lãi suất chậm trả đối với khoản thanh toán được hai bên thống nhất tại điều 18 Hợp đồng số P01/HTH ngày 04/3/2011 trên cơ sở lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt nam quy định từ ngày 18/01/2012 đến ngày 30/4/2018 là 9%/năm; từ ngày 01/5/2018 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 10%/1 năm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH hai thành viên H về việc triệu tập thêm một số người liên quan đến việc thỏa thuận giữa hai công ty trước đây, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng P01/HTH ngày 04/3/2011 giữa công ty cơ khí và xây dựng P và công ty TNHH hai thành viên H được ký kết bởi hai pháp nhân với nhau, mọi hoạt động được thực hiện trên cơ sở của luật doanh nghiệp và thông qua người đại diện theo pháp luật của công ty. “Bản ghi nhớ” mà bị đơn cung cấp không thể hiện được nghĩa vụ đối trừ thanh toán khoản nợ đối với hợp đồng P01/HTH ngày 04/3/2011, bị đơn không có yêu cầu phản tố với nội dung trên của nguyên đơn. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH hai thành viên H; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST, ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Hà Tĩnh

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 70, Khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điểm g Khoản 1 Điều 76 Luật xây dựng; Điều 280, Khoản 1 Điều 281, 285, 290, 305, Khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điểm b, c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cơ khí và xây dựng P

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cơ khí và xây dựng P số tiền 20,915,369,200 đồng (*Hai mươi tỷ, chín trăm mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm đồng*). Trong đó: Nợ tiền gốc là 13,091,159,688 đồng (*Mười ba tỷ, không trăm chín mươi một triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng*); Tiền lãi tính đến ngày 24/8/2018 là 7,824,209,500 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, hai trăm linh chín nghìn, năm trăm đồng*).

Từ ngày 25/8-2018 cho đến hết ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên H thanh toán hết số tiền 13,091,159,688 đồng cho Công ty cơ khí và xây dựng P thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền 7,824,209,500 đồng (*Bảy tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, hai trăm linh chín nghìn, năm trăm đồng*) thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí, lệ phí:

- Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm Hai thành viên H phải nộp 128,915,400 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm mười lăm nghìn, bốn trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc Công ty cơ khí và xây dựng P phải nộp 91,739,500 đồng (*Chín mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 65,950,000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006786 ngày 26/4/2018 và Biên lai thu tiền số 0006798 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự A. Số tiền án phí phải nộp tiếp là 25,789,500 đồng (*Hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm đồng*).

- Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc Công ty TNHH hai thành viên H phải nộp 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006970 tại Chi cục Thi hành án dân sự A, tỉnh Hà Tĩnh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu